

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-3-2024

v/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Minh

Bà Trần Thị Ngọc Linh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 552/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐ-XX, ngày 22 tháng 01 năm 2024 và các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1977

Địa chỉ: khu phố T 2, thị trấn C, huyện P, Bình Thuận; Có mặt;

2. Bị đơn: Ông Lê Minh S, sinh năm 1977;

Địa chỉ: khu phố G2, thị trấn C, huyện P, Bình Thuận; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Ngọc B trình bày: Bà và ông Lê Minh S xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu nhau vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện P.

Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian dài không hề xảy ra mâu thuẫn gì, tuy nhiên đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do ông S có quan hệ với người đàn bà khác, không chung thủy với bà, bà đã nhiều lần tha thứ bỏ qua để gia đình được hạnh phúc nhưng ông S không hề thay đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng,

thường xuyên cãi vã ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống vợ chồng. Năm 2015 bà và ông S chính thức ly thân để ông S suy nghĩ, thay đổi bản thân nhưng ông S vẫn tẻ nhạt, không những ông không thay đổi mà còn hành hạ, mắng nhiếc bà, đến nay đã chấm dứt quan hệ vợ chồng, ông S đã sống chung với người khác như vợ chồng. Vì vậy, bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà và ông S.

Về con chung: Bà và ông S chưa có con chung

Về tài sản và nợ chung: không có;

Bị đơn ông Lê Minh S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Qua xác minh tại Ban cán sự khu phố G 2, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Thuận thì ông Lê Minh S có hộ khẩu thường trú tại, khu phố G 2, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Lê Minh S theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông S vẫn không có mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị B đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Minh S không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trần Thị B được ly hôn với ông Lê Minh S.

Về con chung: Không có

Về tài sản và nợ chung: Không có

Về án phí: Bà Trần Thị Bích phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh S, do đó đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Minh S có nơi cư trú tại khu phố G 2, thị trấn C, huyện P tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Lê Minh S theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông S vẫn không có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Trần Thị B và ông Lê Minh S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 14; Quyền số: 01/2002, ngày 30/01/2002 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Trần Thị B trình bày ông Lê Minh S có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, bà có khuyên can thì ông S không nghe dẫn đến mâu thuẫn không tự giải quyết. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông S không chấp hành, điều này chứng tỏ ông S không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà B. Quá trình xác minh tại địa phương đều xác định bà B và ông S đã sống ly thân hơn 03 nay không còn ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị B.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án bà Trần Thị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị B đối với ông Lê Minh S . Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Lê Minh S .

3. Về án phí: Bà Trần Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Bích đã nộp **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0017014 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà B đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 15/3/2024). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- UBND thị trấn Phan Rí Cửa;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Lý Văn Lầy